TÒA ÁN N DÂN **THỊ XÃ HÒA T** **TỈNH TÂY N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DSST
Ngày: 08/4/2022
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ HÒA T

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thinh.
Các Hội thẩm N dân:
1/ Bà Dương Thị Tư
2/ Ông Lê Công Quyền
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên Thư ký Tòa án N dân thị xã Hòa T.
- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án N dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây N xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số 51/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp dân sự "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02/3/2022, ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H - sinh năm 1959
Địa chỉ: Số 65, đường Hoàng Lê K, khu phố 7, phường 3, T phố Tây N, tỉnh Tây N. (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Ngọc H - sinh năm 1971,
Địa chỉ: Số 67/2B, khu phố N T, phường N S, T phố Tây N, tỉnh Tây N. Chỗ ở: 45/6, ấp Bời L, khu phố N Tân, phường N S, T phố Tây N, tỉnh Tây N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Trần Quốc T - sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố Hiệp N, phường Hiệp N, T phố Tây N, tỉnh Tây N. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Hoài N - sinh năm 1998
Bà Bùi Thị N - sinh năm 1974;
Cùng địa chỉ: Số 133/6, Tổ 13, khu phố 2, phường Long H, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi N vụ liên quan: Ông Vũ Quốc L - sinh năm 1972; địa chỉ: Số 67/2B, khu phố N T, phường N S, T phố Tây N, tỉnh Tây N. Chỗ ở: 45/6, ấp Bời L, khu phố N Tân, phường N S, T phố Tây N, tỉnh Tây N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Trần Quốc T - sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố Hiệp N, phường Hiệp N, T phố Tây N, tỉnh Tây N. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày: Vào ngày 28/12/2020 bà có cho anh N và bà N mượn số tiền 970.000.000 đồng để trả Ngân hàng, thời gian mượn là 01 tháng, có hợp đồng công chứng vay tiền và có giấy tay mượn tiền, sau 04 ngày thì anh N và bà N trả được 840.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng tiền gốc và lãi chưa tính. Nay yêu cầu bà N và anh N trả cho bà số tiền 130.000.000 đồng vốn và lãi tính từ ngày 29/01/2021 đến khi xét xử.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện nguyên đơn bà H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với nhau, bà N và anh N cần vốn làm ăn trả đáo hạn Ngân hàng, nên ngày 04/9/2020 bà N và anh N có viết giấy tay nhận của bà H số tiền 1.140.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả khi bà H có yêu cầu và ngày 16/8/2020 bà N và anh N có viết giấy tay vay số tiền 1.910.000.000 đồng, trong đó của bà H là 940.000.000 đồng, còn lại của bà H 970.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 01 tháng, trong tháng 12/2020 anh N và bà N có trả cho bà H số tiền 840.000.000 đồng, còn nợ 100.000.000 đồng. Khi vay tiền anh N có chuyển nhượng cho vợ chồng bà H 01 phần đất diện tích 26,8m^2 tọa lạc khu phố 2, phường Long H, thị xã Hòa T, việc sang nhượng nhằm đảm bảo cho khoản vay ngày 04/9/2020. Nhiều lần bà H yêu cầu trả tiền nhưng bà N và anh N hẹn cố tình không thanh toán, nay bà H yêu cầu anh N và bà N trả số tiền vốn 1.240.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 29/01/2021 đến khi xét xử.

Đối với bị đơn là anh Lê Hoài N và bà Bùi Thị N, Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng anh N và bà N không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án. Đến ngày 11/02/2022 tại Văn phòng khu phố 2, phường Long H, thị xã Hòa T, bà N trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền theo hợp đồng công chứng và giấy nợ, nhưng bà có trả cho bà H 840.000.000 đồng, bà xem lại sổ sách và có bản tường trình sau. Đối với nợ của bà H bà nợ 825.000.000 đồng có giấy nợ, bà đã trả 840.000.000 đồng, bà đã trả lãi được 15.000.000 đồng, nay bà H kiện bà 130.000.000 đồng là tiền lãi, bà đồng ý tính lãi suất theo pháp luật của số tiền vốn 825.000.000 đồng từ khi bà vay đến nay, khấu trừ vào số tiền 15.000.000 đồng bà đã trả, hết nhiều hơn thì bà trả tiếp cho bà H. Riêng anh N không có ý kiến trình bày, không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên tòa xét xử nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Hòa T trình bày:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và N vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn: Bà H số tiền 130.000.000 đồng vốn và tính lãi theo quy định. Trả cho bà H, ông L số tiền 1.240.000.000 đồng vốn và lãi suất theo qy định. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04.9.2020 giữa anh Lê Hoài N với bà H và ông L là vô hiệu, vì hợp đồng giả tạo; bà H và ông L trả lại cho anh N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03412 cấp ngày 24/8/2020 cho anh N đứng tên. Bị đơn anh N và bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào caùc chứng cứ, tài liệu coù trong hoà sô vuï aùn đã được thaåm tra taïi phieân toøa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hoäi ñoàng xeùt xöû nhaän ñònh:

[1]. Về tố tụng: Bà Phan Thị H là nguyên đơn, ông Trần Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và người có quyền lợi N vụ liên quan là ông Vũ Quốc L có đơn xin vắng mặt. Đối với anh Lê Hoài N và bà Bùi Thị N là bị đơn, đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng vắng mặt không có lý do, nên cần căn cứ vào Điều 227, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung: Giao dịch giữa bà H, bà H với anh N và bà N là có thật, anh N và bà N có ký giấy vay tiền và hợp đồng vay tiền của bà H, bà H và ông L.

Thể hiện giấy tay mượn tiền ngày 04/9/2020, anh N và bà N có mượn bà H, ông L số tiền 1.140.000.000 đồng, không ghi lãi suất, có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26,8 m^2, trong thời hạn 04 tháng thì sẽ chuộc lại.

Thể hiện giấy tay mượn tiền ghi ngày 28/12/2020, anh N và bà N có mượn bà H số tiền 940.000.000 đồng, mượn của bà H 970.000.000 đồng vào ngày 16/9/2020, hẹn ngày 09/10/2020 thế chấp diện tích đất 57,60 m^2 thửa đất số 80 cho bà H và bà H; đến ngày 28/12/2020 anh N và bà N đã nhận lại quyền sử dụng diện tích đất nêu trên để thế chấp ngân hàng hẹn trong vòng 01 tháng trả cho bà H 940.000.000đồng, trả cho bà H 970.000.000 đồng.

Ngoài ra thể hiện hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 28/12/2020, anh N vay của bà H và bà H số tiền 1.910.000.000 đồng, kỳ hạn vay từ ngày 28/12/202 đến ngày 28/01/2021, không tính lãi suất. Trong số tiền 1.910.000.000 đồng, của bà H 970.000.000 đồng, của bà H 940.000.000 đồng (số tiền này thể hiện là số tiền vay của ngày 16/9/2020). Bà H và bà H Ki bà N và anh N đã trả cho bà H 840.000.000 đồng, còn nợ bà H 130.000.000 đồng vốn, trả cho bà H số tiền 840.000.000 đồng, còn nợ bà H 100.000.000 đồng vốn.

Như vậy, theo bà H, bà H thì bà N và anh N còn nợ bà H và ông L số tiền 1.240.000.000 đồng vốn, nợ bà H 130.000.000 đồng vốn, yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 29/01/2021 đến nay.

[3]. Ngược lại, bà N Ki thừa nhận có vay tiền theo giấy viết vay và hợp đồng vay tiền, nhưng Ki nợ của bà H 825.000.000 đồng, là không phù hợp giấy mượn tiền, nên vay số tiền của bà H 970.000.000 đồng, đã trả 840.000.000 đồng, còn nợ bà H 130.000.000 đồng là có cơ sở. Nợ của bà H, ông L, Bà N thừa nhận đã trả 840.000.000 đồng, số tiền vốn chưa xác định.

Riêng anh Lê Hoài N, Tòa án đã tống đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên tòa. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về N vụ chứng minh chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng bị đơn không chứng minh phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử xem như bị đơn đã từ bỏ quyền thì phải chịu hậu quả pháp lý về việc không chứng minh được chứng cứ.

[4]. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định bà N và anh N còn nợ bà H và ông L số tiền 1.240.000.000 đồng vốn, nợ bà H 130.000.000 đồng vốn, lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 29/01/2021 đến nay là có cơ sở phù hợp.

Lãi suất được tính như sau:

- Nợ của bà H 130.000.000đ x 0,83% x 14 tháng 10 ngày = 15.465.000 đồng (tính tròn số) + vốn 130.000.000 đồng. Tổng cộng phải trả bà H vốn lãi là 145.465.000 đồng.

- Nợ của bà H, ông L số tiền 1.240.000.000đ x 0,83% x 14 tháng 10 ngày = 147.518.000 đồng (tính tròn số) + vốn 1.240.000.000 đồng. Tổng cộng phải trả bà H và ông L vốn lãi là 1.387.518.000 đồng.

[5]. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/9/2020, giữa anh Lê Hoài N với ông Vũ Quốc L và bà Nguyễn Thị Ngọc H, diện tích 26,8m^2 với giá 100.000.000 đồng được công chứng cùng ngày 04/9/2020. Trên đất có nhà do bà N, anh N quản lý sử dụng, mục đích để đảm bảo khoản tiền vay 1.140.000.000 đồng của bà H, ông L cho anh N và bà N vay được xác định là hợp đồng giả tạo hai bên không thực hiện. Bà H và ông L yêu cầu bà N và anh N trả số tiền vay là có cơ sở, phù hợp, nên cần tuyên bố hợp đồng là vô hiệu

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H. Buộc anh Lê Hoài N và bà Bùi Thị N liên đới có N vụ trả cho bà H số tiền vốn lãi 145.465.000 đồng; Trả cho bà H và ông L vốn lãi là 1.387.518.000 đồng. Tuyên bố đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/9/2020, giữa anh Lê Hoài N với ông Vũ Quốc L và bà Nguyễn Thị Ngọc H vô hiệu. Bà H và ông L trả lại cho anh Lê Hoài N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03412, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây N cấp ngày 24/8/2020 cho anh Lê Hoài N đứng tên (Bản chính).

[6]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với những tình tiết nêu trên.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 60.898.790 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên;

QUYEÁT ÑÒNH:

Căn cứ vào Điều 91, 227, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 124 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp dân sự "Hợp đồng vay tài sản" của bà Phan Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Lê Hoài N và bà Bùi Thị N.

2. Buộc anh Lê Hoài N và bà Bùi Thị N liên đới có N vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền 145.465.000 đồng (trong đó vốn 130.000.000 đồng, lãi 15.465.000 đồng).

Trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Vũ Quốc L số tiền 1.387.518.000 đồng (trong đó vốn 1.240.000.000 đồng, lãi 147.518.000 đồng).

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/9/2020, , giữa anh Lê Hoài N với ông Vũ Quốc L và bà Nguyễn Thị Ngọc H là vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Vũ Quốc L có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Hoài N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03412, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây N cấp ngày 24/8/2020 cho anh Lê Hoài N đứng tên. (Bản chính)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chưa thì hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí: Anh Lê Hoài N và bà Bùi Thị N phải chịu 60.898.790 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa T, tỉnh Tây N hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.600.000 đồng theo biên lai thu số 0009702 ngày 05/3/2021.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyeàn Kùng cáo lên Tòa án N dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây N**;**
- VKSND thị xã Hòa T;
- THADS thị xã Hòa T;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA